

ĐÁNH GIÁ NGHÈO ĐA CHIỀU Ở HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Võ Thị Thiều Hoa¹ và Nguyễn Thị Trang Thanh^{2*}

¹Trường THCS Tam Quang, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An

²Khoa Địa lí, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt. Từ năm 2016, đánh giá nghèo ở Việt Nam theo tiếp cận nghèo đa chiều. Nghèo đa chiều được đo lường bằng thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Để đánh giá nghèo đa chiều ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, bài báo đã sử dụng chỉ số nghèo đa chiều (MPI) theo phương pháp Alkire và Foster (2011). Kết quả cho thấy, trong giai đoạn 2016 – 2021, số lượng và tỉ lệ hộ nghèo ở huyện Tương Dương giảm, nhưng cường độ nghèo giảm chậm. Số lượng hộ nghèo thiếu hụt về vệ sinh và môi trường, nhà ở, tiếp cận dịch vụ xã hội chiếm tỉ lệ cao và có xu hướng tăng lên. Nguyên nhân nghèo của các hộ chủ yếu là thiếu kĩ năng lao động, sản xuất; không có vốn sản xuất, kinh doanh; thiếu kiến thức, phương tiện/công cụ sản xuất,...

Từ khóa: đánh giá, nghèo đa chiều, huyện Tương Dương, Nghệ An.

1. Mở đầu

Nghèo đói luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của tất cả các quốc gia trên thế giới. “Đói nghèo là tình trạng của một bộ phận dân cư không có những điều kiện về cuộc sống như ăn, mặc, ở, vệ sinh, y tế, giáo dục, đi lại, quyền được tham gia vào các quyết định của cộng đồng” [1]. Xoá nghèo là mục tiêu đầu tiên trong 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc đến năm 2030 đã được 193 quốc gia thông qua vào tháng 9/2015.

Trong những thập kỉ gần đây, tiếp cận nghèo từ nghèo đơn chiều đã chuyển sang nghèo đa chiều phù hợp với sự phát triển của xã hội. Để đánh giá nghèo, Alkire, S., and J. Foster đã đề xuất 10 chỉ báo đo lường nghèo đa chiều đại diện cho 3 chiều gồm giáo dục, sức khoẻ và mức sống Chỉ số nghèo đa chiều (MPI) cho biết tỉ lệ hộ nghèo đa chiều sâu của nghèo. MPI càng cao thì mức độ nghèo đa chiều càng tăng (phương pháp AF) [2]. UNDP (2010) đã sử dụng Chỉ số nghèo đa chiều (MPI) để đo lường nghèo của 104 quốc gia trong Báo cáo phát triển con người năm 2010 [3].

Dựa vào phương pháp AF, Bidyadhar Dehury and Sanjay K. Mohanty đã đánh giá sự phân hoá nghèo đa chiều ở 82 vùng tự nhiên ở Ấn Độ trong các khía cạnh của y tế, giáo dục, mức sống và môi trường hộ gia đình. Kết quả chỉ ra rằng 43% dân số Ấn Độ là người nghèo đa chiều với sự phân hoá khác nhau theo các bang. Từ đó, các tác giả đề xuất các can thiệp dựa trên mục tiêu để giảm nghèo và bất bình đẳng ở Ấn Độ [4].

Ở Việt Nam, năm 2015, Chính phủ đã ban hành Quyết định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, tiêu chí để xác định hộ nghèo bao gồm: thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản với 5 chiều và 10 chỉ báo (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin) phân theo khu vực nông thôn và thành thị [5]. Các nghiên cứu về nghèo

của Việt Nam cũng tiếp cận theo nghèo đa chiều từ năm 2014 đến nay. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã đánh giá tổng quan về giảm nghèo đa chiều ở Việt Nam, phân tích sâu hơn về xu hướng giảm nghèo ở nhóm đồng bào dân tộc thiểu số và người khuyết tật, từ đó đưa ra một số khuyến nghị trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững nhằm bảo đảm chất lượng cuộc sống cho mọi người dân ở Việt Nam [6]. Sử dụng chỉ số MPI, tác giả Nguyễn Thị Phương Thảo đã phân tích tình trạng nghèo đa chiều ở hộ gia đình có người di cư ở Việt Nam và chỉ ra tỉ lệ hộ nghèo đa chiều cao gấp đôi so với tỉ lệ hộ nghèo dựa trên thu nhập/chỉ tiêu. Sự thiếu hụt về điều kiện sống đóng góp lớn nhất vào chỉ số nghèo đa chiều chung trong khi thiếu hụt về chiều tiếp cận thông tin đóng góp ít nhất vào chỉ số nghèo đa chiều chung [7]. Nghiên cứu mối quan hệ giữa nghèo đa chiều và phát triển con người chỉ ra có sự tương đồng giữa chỉ số nghèo đa chiều (MPI) và chỉ số phát triển con người (HDI) của các tỉnh khu vực Tây Bắc: các tỉnh Điện Biên, Lai Châu, Sơn La có MPI cao và HDI thấp, còn lại Hòa Bình có MPI thấp và HDI trung bình. Do các rào cản về tự nhiên, ngôn ngữ và văn hoá, các tỉnh Tây Bắc chủ yếu thiếu hụt về chiều giáo dục, nước sạch và vệ sinh. Sự chênh lệch và độ sâu thiếu hụt ở các chỉ tiêu này sẽ là những thách thức lớn đối với việc giảm nghèo đa chiều và phát triển con người ở những địa phương này [8].

Từ năm 2021, Chính phủ Việt Nam đã ban hành chuẩn nghèo giai đoạn 2021 – 2025. So với chuẩn nghèo giai đoạn trước, tiêu chí về thu nhập bình quân đầu người một tháng tăng lên; bổ sung tiêu chí về việc làm trong các tiêu chí về dịch vụ xã hội với 12 chỉ báo.

Tương Dương là huyện miền núi phía tây tỉnh Nghệ An. Huyện có đường biên giới dài, diện tích chủ yếu là đồi núi, khí hậu khắc nghiệt, là vùng tập trung đông dân tộc thiểu số và có tỉ lệ hộ nghèo cao bậc nhất của Nghệ An. Những năm qua, huyện đã có nhiều chính sách và giải pháp giảm nghèo cho các hộ dân, đặc biệt là các dân tộc thiểu số nên tỉ lệ hộ nghèo của huyện Tương Dương giảm nhanh, đời sống người dân được cải thiện. Tuy nhiên, kết quả giảm nghèo còn chưa bền vững, số hộ tái nghèo còn cao, tỉ lệ nghèo tăng khi chuẩn nghèo thay đổi,...

Trên cơ sở các nghiên cứu về nghèo đa chiều trên thế giới và ở Việt Nam, chúng tôi sử dụng chỉ số MPI theo phương pháp AF để đánh giá sự phân hoá nghèo đa chiều ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm giảm nghèo bền vững cho các hộ nghèo ở huyện Tương Dương.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Dữ liệu nghiên cứu

Bài viết sử dụng chuẩn nghèo đa chiều của Việt Nam giai đoạn 2016 – 2020 và giai đoạn 2021 – 2025, với các tiêu chí cụ thể sau:

Đối với chuẩn nghèo giai đoạn 2016 – 2020: Hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 700.000 đồng trở xuống hoặc hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng - 1.000.000 đồng và thiếu hụt 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội (khu vực nông thôn); đối với khu vực thành thị, hộ nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ đủ 900.000 nghìn đồng trở xuống hoặc trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên. Các dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm 5 chiều: giáo dục; y tế; nhà ở; nước sạch và vệ sinh; thông tin với 10 chỉ báo.

Giai đoạn 2021 – 2025, chuẩn nghèo thay đổi, một hộ được xác định là hộ nghèo khi có thu nhập từ 1.500.000 đồng/người/tháng trở xuống (khu vực nông thôn) hoặc có thu nhập từ 2.000.000 đồng/người/tháng trở xuống (khu vực thành thị) và thiếu hụt từ 3 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội trở lên. Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm 6 tiêu chí với 12 chỉ báo, trong đó bổ sung thêm tiêu chí việc làm với

hai chỉ báo (việc làm và người phụ thuộc trong hộ gia đình); tiêu chí y tế, chỉ báo về tiếp cận dịch vụ y tế được thay thế bằng chỉ báo dinh dưỡng.

Sử dụng số liệu điều tra nghèo huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2016 - 2021 của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương và một số số liệu khảo sát.

2.1.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập, phân tích và xử lý tài liệu: Nhóm tác giả sử dụng số liệu thống kê về số hộ nghèo, số hộ thiếu hụt các dịch vụ xã hội, số liệu về dân số, kinh tế, xã hội,... của huyện Tương Dương trong giai đoạn 2016 – 2021.

- Phương pháp chuyên gia: nhóm tác giả đã phỏng vấn chuyên gia, các nhà quản lý để tìm hiểu thực trạng thực trạng và nguyên nhân nghèo ở huyện Tương Dương, xin ý kiến tham vấn về một số giải pháp giảm nghèo bền vững đối với đặc thù xã miền núi.

- Phương pháp thực địa: nhóm tác giả đã khảo sát thực địa, tìm hiểu các thực trạng nghèo, thu nhập và sinh kế của hộ, nguyên nhân nghèo ở 3 xã đại diện cho 3 tiểu vùng của huyện Tương Dương.

- Sử dụng phương pháp AF (2011) để tính chỉ số nghèo đa chiều (MPI) nhằm phân tích mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản và sự phân hoá MPI theo các đơn vị hành chính. Giá trị này cho biết tỉ lệ hộ nghèo đa chiều sau khi đã điều chỉnh theo độ sâu của nghèo. MPI càng cao thì mức độ nghèo đa chiều càng tăng. MPI không chỉ phản ánh tỉ lệ nghèo đa chiều mà còn phản ánh mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo [2].

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Khái quát về huyện Tương Dương

Tương Dương là một huyện miền núi vùng cao nằm ở phía tây nam tỉnh Nghệ An, cách thành phố Vinh gần 200 km. Phía bắc giáp nước Lào với chiều dài đường biên giới 57,93 km. Huyện có tổng diện tích tự nhiên là 280.778,18 ha chiếm khoảng 17% diện tích toàn tỉnh.

Địa hình huyện Tương Dương nằm trong hệ uốn nếp của dãy Trường Sơn, có nhiều núi cao, hiểm trở tạo nên nhiều thung lũng nhỏ hẹp. Sông suối ngắn, hiện tượng xâm thực và chia cắt mạnh. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiệt độ trung bình từ 23^oC - 25^oC, lượng mưa trung bình năm 1450 mm, mùa đông lạnh, khô; mùa hạ nóng, chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam.

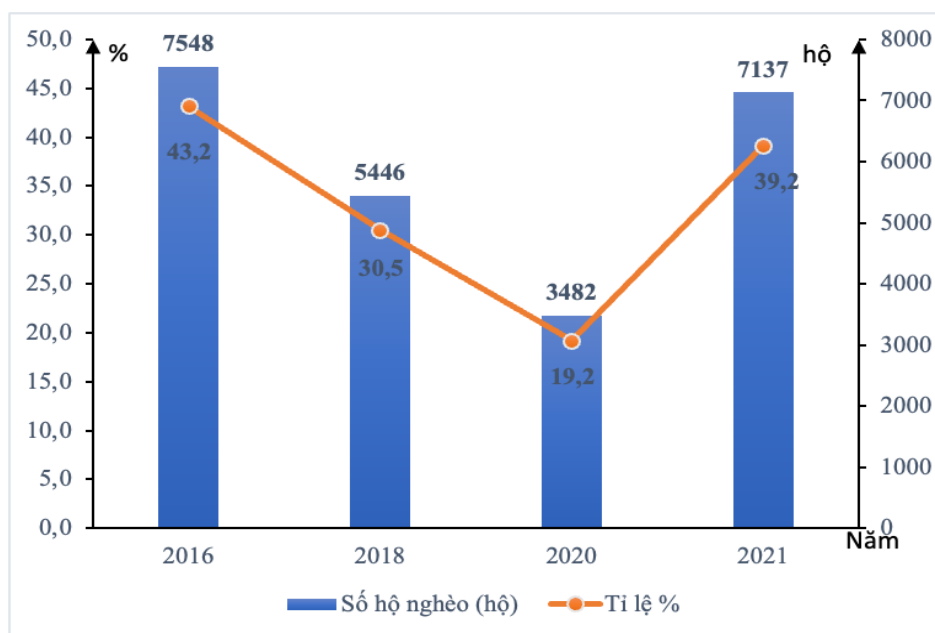
Năm 2021, huyện Tương Dương có tổng số dân là 77.274 người, dân tộc thiểu số chiếm 90,9% dân số toàn huyện với các dân tộc chính là Thái, Khơ Mú, Mông, Tày, Ô Đu, ... Mật độ dân số trung bình là 30 người/km². Dân cư phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở dọc quốc lộ 7. Nguồn lao động dồi dào nhưng chủ yếu là lao động phổ thông, lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề ít. Phong tục tập quán lạc hậu còn tồn tại ở các xã vùng sâu, vùng xa và một số xã vùng trên.

Dựa vào đặc điểm địa lý, địa hình và thổ nhưỡng, có thể chia Tương Dương thành ba tiểu vùng: Tiểu vùng ngoài có điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, bao gồm các xã Tam Quang, Tam Đình, Tam Thái, thị trấn Thạch Giám, Xá Lượng, Lưu Kiên. Tiểu vùng trong gồm các xã Yên Thắng, Yên Na, Yên Hòa, Nga My, Xiêng My, Lượng Minh, Yên Tĩnh, Tam Hợp. Tiểu vùng trên gồm các xã còn lại. Đây là vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn như địa hình cao, hiểm trở, vị trí xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn, khí hậu khắc nghiệt.

2.2.2. Thực trạng nghèo ở huyện Tương Dương

2.2.2.1. Số lượng và tỉ lệ hộ nghèo

Số lượng hộ nghèo của Tương Dương giảm nhanh trong giai đoạn 2016 – 2020. Năm 2020, số hộ nghèo của huyện là 3.482 hộ giảm 4.066 hộ so với năm 2016. Năm 2021, do chuẩn nghèo thay đổi, nên số lượng hộ nghèo của huyện tăng lên 7.137 hộ, chiếm 2,2% tổng số hộ nghèo toàn tỉnh Nghệ An.



Hình 1. Hộ nghèo và tỉ lệ hộ nghèo huyện Tương Dương giai đoạn 2016 - 2021

Tỉ lệ hộ nghèo toàn huyện cũng giảm nhanh, giảm 24 điểm phần trăm trong giai đoạn 2016 – 2020. Đến năm 2021, tỉ lệ hộ nghèo của huyện tăng lên 39,2%, cao hơn nhiều so với mức trung bình toàn tỉnh (năm 2021 tỉ lệ hộ nghèo của Nghệ An là 9,5%). Tương Dương là một trong những huyện có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất tỉnh, trở thành là 1 trong 4 huyện nghèo của tỉnh Nghệ An và nằm trong danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 – 2025 của cả nước.

Phần lớn hộ nghèo là người dân tộc thiểu số (năm 2021, số hộ nghèo là dân tộc thiểu số chiếm tới 99,2% hộ nghèo toàn huyện) trong đó chủ yếu là người Thái và Khơ Mú. Tiểu vùng trên là tiểu vùng có tỉ lệ hộ nghèo cao nhất (năm 2021, tỉ lệ hộ nghèo của tiểu vùng là 69,5%), tiếp đến là tiểu vùng trong (51,0%).

2.2.2.2. Thu nhập và sinh kế của hộ nghèo

Qua điều tra khảo sát của các hộ nghèo trên địa bàn huyện năm 2021, thu nhập bình quân của hộ nghèo đều dưới ngưỡng quy định. Thu nhập bình quân của hộ nghèo chỉ đạt dưới 1 triệu đồng/người/tháng. Cụ thể năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo khoảng 670 nghìn đồng/tháng, năm 2021 có tăng lên, đạt 880 nghìn đồng/người/tháng.

Sản xuất nông nghiệp là nguồn thu chính của các hộ nghèo. Phần lớn các hộ đều trồng lúa, ngô,... nhưng diện tích không nhiều, chăn nuôi nhỏ lẻ, nguồn thu ít, tự cung, tự cấp trong gia đình. Một số hộ khai thác các sản phẩm phụ từ rừng.

Nhiều hộ gia đình ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, hầu hết có trình độ văn hoá thấp, do vậy, khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, các phương thức canh tác mới còn rất nhiều hạn chế. Các hộ gia đình đã được hỗ trợ đầu tư vốn về vốn, giống cây trồng, vật nuôi, tập huấn sản xuất,... Tuy nhiên, do thiếu kiến thức và kinh nghiệm trong sản xuất nên gặp nhiều rủi ro, khả năng tăng thu nhập, có tích lũy để thoát nghèo chưa đạt hiệu quả cao.

2.2.2.3. Sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

Cùng với quá trình xây dựng nông thôn mới, tỉ lệ các hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của huyện đã giảm nhanh, nhất là các tiêu chí về y tế và giáo dục. Số lượng hộ thiếu hụt về y tế và giáo dục rất thấp, trong đó tình trạng đi học trẻ em chỉ còn 1,2% tổng số hộ nghèo. Hộ nghèo đã được tiếp cận và hưởng lợi từ các chính sách về giáo dục, y tế,... Tỉ lệ hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản cao nhất là các chỉ báo về nhà tiêu hợp vệ sinh, chất lượng nhà ở,

sử dụng dịch vụ viễn thông. Các chỉ báo này đều có tỉ lệ thiếu hụt trên 40%, trong đó chỉ báo về nhà tiêu hợp vệ sinh chiếm tới 78,9%. Năm 2021, các chỉ báo thiếu hụt về các dịch vụ xã hội cơ bản đều có xu hướng tăng so với năm 2020 do số lượng hộ nghèo tăng. Hai chỉ báo được đưa vào tính theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 – 2025 đều chiếm tỉ lệ tương đối cao, đó là số người phụ thuộc trong gia đình và thiếu việc làm.

Bảng 1. Chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của huyện Tương Dương giai đoạn 2016 - 2021

Tiêu chí	Chỉ báo	Năm 2016		Năm 2020		Năm 2021	
		Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)
Việc làm	Việc làm	-	-	-	-	1275	17,9
	Người phụ thuộc trong gia đình	-	-	-	-	1709	24,0
Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	1339	17,7	358	10,3	2081	29,2
	Trình trạng đi học của trẻ em	235	3,1	51	1,5	88	1,2
Y tế	Tiếp cận dịch vụ y tế/ Dinh dưỡng	580	7,7	19	0,6	706	9,9
	Bảo hiểm y tế	457	6,1	154	4,3	938	13,1
Nhà ở	Chất lượng nhà ở	2835	37,6	1491	42,8	3379	47,3
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	2902	38,5	1354	38,9	2693	37,7
Vệ sinh và môi trường	Nguồn nước sinh hoạt	421	15,1	154	4,4	721	10,1
	Nhà tiêu hợp vệ sinh	1060	47,7	1365	39,2	5632	78,9
Tiếp cận thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông	243	12,8	365	10,5	2847	39,9
	Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	141	16,1	643	18,5	1141	16,0

(Nguồn: Xử lý từ số liệu phỏng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương)

Tình trạng nghèo ở huyện Tương Dương có sự phân hoá theo tiểu vùng. Tiểu vùng ngoài có vị trí địa lý khá thuận lợi hơn so với các tiểu vùng còn lại, nên tỉ lệ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo thấp. Tuy nhiên, chỉ báo về bảo hiểm y tế và việc làm của tiểu vùng này lại cao nhất so với tiểu vùng trong và ngoài. Tiểu vùng trên có 2 xã là biên giới nằm xa trung tâm nhất, điều kiện sống của các xã thuộc tiểu vùng này thấp, vì vậy tỉ lệ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản cao nhất, nhất là các chỉ báo về nhà tiêu hợp vệ sinh, nhà ở, sử dụng dịch vụ viễn thông và trình độ giáo dục của người lớn.

Để làm rõ độ sâu của sự thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, chúng tôi đã tính toán chỉ số nghèo đa chiều MPI năm 2016 và 2021 phân theo đơn vị hành chính. Chỉ số nghèo đa chiều của huyện Tương Dương có sự thay đổi trong giai đoạn 2016 – 2021. Chỉ số MPI năm 2021 tăng hơn năm 2016 do áp dụng chuẩn nghèo mới. Điều đó thể hiện sự thiếu hụt về các dịch vụ xã hội của các hộ nghèo tăng lên.

Bảng 2. Chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản ở huyện Tương Dương phân theo tiểu vùng năm 2021

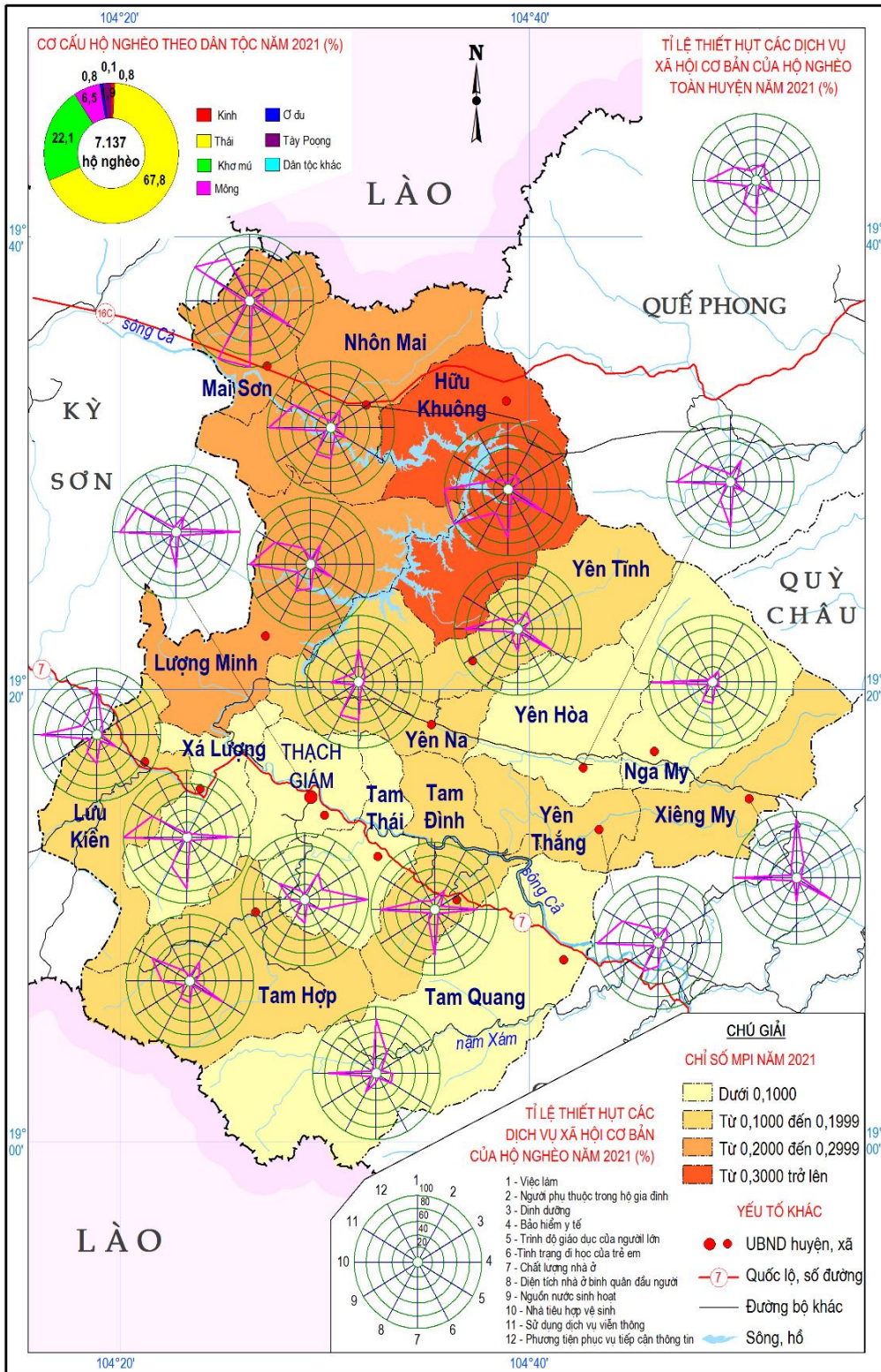
Tiêu chí	Chỉ báo	Vùng ngoài		Vùng trong		Vùng trên	
		Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỉ lệ (%)
Việc làm	Việc làm	596	32,4	663	17,0	16	1,1
	Người phụ thuộc trong gia đình	426	23,2	951	24,4	332	23,6
Giáo dục	Trình độ giáo dục của người lớn	289	15,7	1085	27,9	707	50,3
	Trình trạng đi học của trẻ em	22	1,2	16	0,4	50	3,6
Y tế	Dinh dưỡng	151	7,0	301	8,4	254	18,1
	Bảo hiểm y tế	938	43,6	0	0	0	0
Nhà ở	Chất lượng nhà ở	894	48,6	1554	39,9	931	66,2
	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	519	28,2	1383	35,5	791	56,2
Vệ sinh và môi trường	Nguồn nước sinh hoạt	51	2,4	170	4,8	500	35,5
	Nhà tiêu hợp vệ sinh	1560	72,4	3006	84,1	1066	75,8
Tiếp cận thông tin	Sử dụng dịch vụ viễn thông	800	37,1	1217	34,0	830	59,0
	Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin	274	12,7	485	13,6	382	27,2

(Nguồn: Xử lý từ số liệu phỏng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương)

Chỉ số nghèo đa chiều có sự phân hoá giữa các xã. Thị trấn Thạch Giám có chỉ số nghèo đa chiều thấp nhất, tiếp đến là các xã Tam Quang, Tam Thái, Xá Lượng,... Chỉ số MPI cao nhất là xã Hữu Khuông, Mai Sơn, Lượng Minh và Nhôn Mai. Các hộ nghèo ở có số lượng thiếu hụt các chỉ báo về dịch vụ xã hội cao, đặc biệt các chỉ báo về trình độ giáo dục ở người lớn, sử dụng dịch vụ viễn thông, nhà tiêu hợp vệ sinh,...

2.2.2.4. Nguyên nhân nghèo

Qua kết quả khảo sát các hộ nghèo của huyện Tương Dương, các nguyên nhân chính dẫn đến thu nhập thấp và thiếu hụt các dịch vụ xã hội là không có đất sản xuất, vốn sản xuất, kinh doanh; không có lao động, phương tiện sản xuất; không có kinh nghiệm, kiến thức sản xuất,... trong đó, hộ nghèo không có kĩ năng lao động, sản xuất chiếm tỉ lệ cao nhất, tiếp đến là không có vốn sản xuất, kinh doanh; không có kiến thức về sản xuất; không có phương tiện/công cụ sản xuất,... Do Tương Dương có địa hình phức tạp, cơ sở hạ tầng giao thông còn hạn chế, đất đai phân tán, giao thông còn khó khăn, sản xuất nông nghiệp vẫn còn manh mún, nhỏ lẻ; trong khi thu nhập chính của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp. Tập quán sản xuất lạc hậu vẫn còn duy trì ở một số đồng bào dân tộc thiểu số; công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm khả thi để tạo ra nhiều việc làm tại chỗ,...

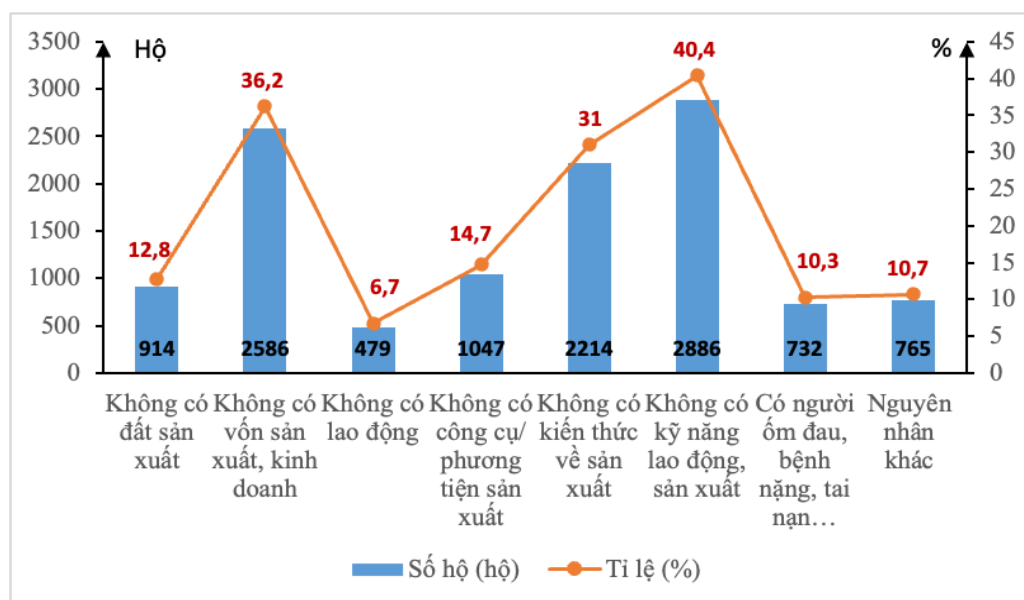


Nguồn: Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương

TỈ LỆ 1 : 420 000

Người thành lập: Võ Thị Thiệu Hoa, 2023

Hình 3. Bản đồ thực trạng nghèo ở huyện Tương Dương năm 2021



Hình 4. Số lượng và tỉ lệ hộ nghèo phân theo các nguyên nhân nghèo năm 2021

Các nguyên nhân nghèo có sự khác nhau giữa các tiểu vùng. Tiểu vùng ngoài là tiểu vùng có tỉ lệ hộ nghèo thấp, điều kiện tự nhiên tương đối thuận lợi, phần lớn các hộ nghèo thiếu vốn sản xuất, không có công cụ, phương tiện sản xuất. Tiểu vùng trong và tiểu vùng trên điều kiện tự nhiên khó khăn hơn, chủ yếu là người dân tộc thiểu số nên các nguyên nhân nghèo phần lớn là thiếu kiến thức, kinh nghiệm sản xuất và thiếu vốn sản xuất do số lượng thiếu hụt về trình độ giáo dục của người lớn nhiều.

3. Kết luận

Tương Dương là huyện có số lượng và tỉ lệ hộ nghèo cao. Trong giai đoạn 2016 – 2020, tỉ lệ hộ nghèo giảm do thu nhập của các hộ nghèo tăng lên so với trước đây, đời sống của hộ nghèo đã được cải thiện. Các hộ nghèo ở huyện Tương Dương chủ yếu là dân tộc thiểu số. Tỉ lệ các hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của huyện đã giảm nhanh, nhất là các tiêu chí về y tế và giáo dục.

Năm 2021, số lượng và tỉ lệ hộ nghèo của tăng so với năm 2020 do chuẩn nghèo thay đổi. Chỉ số MPI của Tương Dương năm 2021 cao, điều đó thể hiện sự thiếu hụt về các dịch vụ xã hội của các hộ nghèo tăng lên. Tỉ lệ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản cao nhất là các chỉ báo về nhà tiêu hợp vệ sinh, chất lượng nhà ở, sử dụng dịch vụ viễn thông.

Để có thể giảm nghèo bền vững, huyện Tương Dương cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, trong đó chú trọng các giải pháp về huy động vốn cho phát triển kinh tế, đa dạng hoá sinh kế của các hộ nghèo, nâng cao năng lực hộ nghèo bằng tuyên truyền, giáo dục, đào tạo nghề, xây dựng cơ sở hạ tầng để thúc đẩy kinh tế phát triển,...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] World Bank, 1996. *Poverty Reduction and World Bank*. Washington, D.C.
- [2] Alkire, S., and J. Foster, 2011. Counting and multidimensional poverty measures. *Journal of Public Economics* 95 (7–8): 476–487. <https://sci-hub.tw/https://doi.org/10.1016/j.jpubeco.2010.11.006>
- [3] UNDP, 2010. Human Development Report 2010. New York: Palgrave Macmillan. http://hdr.undp.org/sites/default/files/reports/270/hdr_2010_en_complete_reprint.pdf

- [4] Bidyadhar Dehury and Sanjay K. Mohanty, 2015. Regional Estimates of Multidimensional Poverty in India. *Journal Economics*, Vol. 9, 2015-36| November 10, 2015 | <http://dx.doi.org/10.5018/economics-ejournal.ja.2015-36>.
- [5] Thủ tướng Chính phủ, 2015. Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 về việc Ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều cho giai đoạn 2016 – 2020.
- [6] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, 2018. Báo cáo nghèo đa chiều ở Việt Nam, giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh để đảm bảo cuộc sống có chất lượng cho mọi người.
- [7] Nguyễn Thị Phương Thảo, 2019. Nghèo đa chiều của các hộ gia đình di cư: minh họa qua cuộc khảo sát mức sống dân cư năm 2014 và 2016. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển*; ISSN 2588–1205 Tập 128, Số 5A, 2019, Tr. 187–206; DOI: 10.26459/hueuni-jed.v128i5A.5261.
- [8] Nguyễn Đình Tuấn, 2018. Nghèo đa chiều và phát triển con người ở các tỉnh vùng Tây Bắc. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 2 – 2018.
- [9] Thủ tướng Chính phủ, 2021, Nghị định số 07/2021/NĐ-CP quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
- [10] Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương, 2016. Báo cáo tình hình, kết quả Chương trình giảm nghèo trên địa bàn huyện Tương Dương giai đoạn 2015-2020.
- [11] Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện Tương Dương, Số liệu về nghèo ở huyện Tương Dương các năm 2016, 2020, 2021.

ABSTRACT

Assessment of multidimensional poverty in Tuong Duong district, Nghe An province

Vo Thi Thieu Hoa¹ and Nguyen Thi Trang Thanh^{2*}

¹*Tam Quang Secondary School, Tuong Duong District, Nghe An Province*

²*Faculty of Geography, School of Education, Vinh University*

Since 2016, poverty assessment in Vietnam has been conducted using the multidimensional poverty approach. Multidimensional poverty is measured in terms of income and the lack of basic social services. The paper used the multidimensional poverty index (MPI) according to the Alkire and Foster method (2011) to assess multidimensional poverty in Tuong Duong district. In the period 2016 - 2021, the number and proportion of poor households in Tuong Duong district decreased, but the intensity of poverty decreased slowly. The number of poor households lacking in sanitation and environment, housing and access to social services accounts for a high proportion and tends to increase. The main causes of poverty of households are lack of labor and production skills; lack of capital for production and business; lack of knowledge, production facilities/tools,...

Keywords: assessment, Multidimensional poverty, Tuong Duong district, Nghe An province.